

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 28/6/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Quang Thịnh

Ông Lê Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2018/TLST - HNGĐ ngày 06/3/2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST - DS ngày 22/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1985 “có mặt”

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982 “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã ĐK, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện PL (cũ) nay là huyện BGM, tỉnh Bình Phước vào năm 2007. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đúng quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên đánh bài bạc và bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh L đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt được kết quả và đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn

với anh Nguyễn Ngọc L.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 28/8/2013, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :**

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không có lý do. Và qua xem xét tại hồ sơ và các tài liệu chị T cung cấp là phù hợp với quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được hỏi tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn chị Vũ Thị T đứng đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh L có nơi cư trú tại huyện BGM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BGM.

[2] Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc L, đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều

227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc L là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện PL (cũ) nay là huyện BGM, tỉnh Bình Phước. Xét đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường xuyên đánh bài bạc và bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị T và anh L đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không đạt được kết quả và đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

[4] Đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc L, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự để hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh L để vợ chồng trở về chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng anh L vắng mặt, thể hiện anh L có thái độ bỏ mặc không tôn trọng cuộc sống hôn nhân gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Vũ Thị T với bị đơn anh Nguyễn Ngọc L.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh L có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 28/8/2013. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và cháu T. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi con, chăm sóc và giáo dục con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của chị T và anh L. Tuy nhiên, hiện nay cháu N và cháu T vẫn còn nhỏ và đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án cháu N có nguyện vọng được sống chung với chị T. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định về thể chất cũng như tinh thần của cháu N và cháu T nên cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 28/8/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Các vấn đề khác: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 71 và Điều 72 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.
2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/3/2008 và Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Vũ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xen xét giải quyết.
4. Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh L không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018189 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BGM, tỉnh Bình Phước.
6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. BGM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Ngọc Ánh